

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Nguyễn An	Giang	SPH004532	3	36.00		36.00
4	Bùi Hà	Phượng	TLA010880	3	35.75		35.75
5	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
6	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
7	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
8	Nguyễn Văn	Chính	HVN001255	4	34.75	0.5	35.42
9	Bùi Thị Thùy	Dung	SPH002977	4	34.75	0.5	35.42
10	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
11	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
12	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
13	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
14	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
15	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
16	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
17	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
18	Trịnh Hương	Giang	BKA003561	3	34.00	0.5	34.67
19	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
20	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
21	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
22	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
23	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
24	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
25	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
26	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
27	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
28	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92
29	Nguyễn Hương	Giang	TND005910	3	33.25	0.5	33.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Hà	Phương	SPH013691	3	33.75		33.75
31	Trần Thị Thúy	Quỳnh	BKA011148	4	33.00	0.5	33.67
32	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
33	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
34	Trần Khánh	Trinh	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
35	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
36	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
37	Phạm Nguyễn Hoàng	Duy	SPH003440	4	33.50		33.50
38	Khuất Huyền	Giáng	TQU001371	4	31.50	1.5	33.50
39	Nguyễn Phương	An	SPH000046	4	33.50		33.50
40	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
41	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
42	Vũ Thị Ngọc	Diệp	HDT003627	4	32.75	0.5	33.42
43	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
44	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
45	Bùi Thế	Cảnh	DCN001073	2	32.75	0.5	33.42
46	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	YTB014050	4	32.00	1.0	33.33
47	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
48	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
49	Phạm Thu	Hương	SPH008447	4	33.25		33.25
50	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
51	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	SPH013705	4	33.25		33.25
52	Trần Thị Mỹ	Linh	BKA007823	4	33.25		33.25
53	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
54	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
55	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
56	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
57	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
58	Phan Hoàng	Nam	SPH012017	2	33.25		33.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
60	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
61	Phạm Khánh	Linh	THP008468	4	32.50	0.5	33.17
62	Trần Thị Ngọc	Ly	BKA008349	4	32.50	0.5	33.17
63	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
64	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
65	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
66	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
67	Nguyễn Xuân	Bách	SPH001922	4	33.00		33.00
68	Lê Quỳnh	Trang	THV013743	4	31.00	1.5	33.00
69	Trần Ngọc	Linh	BKA007800	4	33.00		33.00
70	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
71	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
72	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
73	Trần Hà	Ngân	TDV020859	4	32.25	0.5	32.92
74	Vương Phương	Anh	KQH000789	4	32.25	0.5	32.92
75	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
76	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
77	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
78	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
79	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028152	2	29.50	2.5	32.83
80	Bùi Kiều	My	SPH011605	4	32.75		32.75
81	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
82	Lê Minh	Hằng	HDT007826	3	30.75	1.5	32.75
83	Đỗ Ngọc Anh	Thư	SPH016809	3	32.75		32.75
84	Đinh Ngọc	Mai	TND015881	3	30.75	1.5	32.75
85	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
86	Đặng Mỹ	Linh	TLA007706	3	32.75		32.75
87	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Đinh Nguyễn Hoàng	Minh	SPH011284	2	32.75		32.75
89	Nguyễn Thị Hải	Anh	HVN000427	4	32.00	0.5	32.67
90	Nguyễn Nhật	Anh	HVN000374	4	32.00	0.5	32.67
91	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
92	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
93	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
94	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TDV022430	3	32.00	0.5	32.67
95	Trần Ngọc	Tuyết	SPH019074	2	32.00	0.5	32.67
96	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
97	Đồng Văn	Thiệu	HHA013352	4	32.50		32.50
98	Trần Thị Hải	Anh	SPH001537	4	32.50		32.50
99	Dương Việt	Trình	KHA010663	4	32.50		32.50
100	Nguyễn Phương	Anh	SPH000897	4	32.50		32.50
101	Đào Trọng	Nghĩa	TND017678	4	30.50	1.5	32.50
102	Trần Huy	Quang	SPH014110	3	32.50		32.50
103	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
104	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
105	Vũ Minh	Ngọc	BKA009633	3	32.50		32.50
106	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
107	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
108	Lê Thái Thảo	Anh	TDV000642	4	31.75	0.5	32.42
109	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
110	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
111	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
112	Trần Mạnh	Thắng	KQH012991	3	31.75	0.5	32.42
113	Nguyễn Thu	Hiền	TND007968	3	31.75	0.5	32.42
114	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
115	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
116	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Trần Minh	Châu	SPH002321	4	32.25		32.25
118	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
119	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
120	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
121	Bùi Phương	Linh	SPH009384	4	32.25		32.25
122	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
123	Lê Thị Ngọc	ánh	SPH001763	4	32.25		32.25
124	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
125	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
126	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
127	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
128	Vũ Khánh	Linh	SPH010244	1	32.25		32.25
129	Đỗ Thị Thùy	Trang	DCN011646	4	31.50	0.5	32.17
130	Hoàng Thị	Nhung	YTB016354	4	31.50	0.5	32.17
131	Nguyễn Thị Thu	Hà	TDV007892	4	31.50	0.5	32.17
132	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
133	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
134	Bùi Hồng	Duyên	LNH001692	4	27.50	3.5	32.17
135	Bùi Thị Hải	Anh	TLA000128	4	31.50	0.5	32.17
136	Nguyễn Thị Hải	Yến	HVN012514	4	31.50	0.5	32.17
137	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
138	Đoàn Trúc	Phương	HHA011074	4	31.50	0.5	32.17
139	Nguyễn Lâm	Oanh	HHA010786	3	31.50	0.5	32.17
140	Hoàng Bích	Ngọc	KQH009843	3	31.50	0.5	32.17
141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	SPH012301	3	31.50	0.5	32.17
142	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
143	Trịnh Minh	Phượng	SPH013978	4	32.00		32.00
144	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
145	Lã Thị Kim	Tuyến	THV014896	4	30.00	1.5	32.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
147	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	3	32.00		32.00
148	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
149	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
150	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
151	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
152	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
153	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
154	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
155	Ngô Thị Ngọc	Trâm	YTB023242	4	31.25	0.5	31.92
156	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92
157	Đào Thị Hồng	Nhung	THP010855	4	31.25	0.5	31.92
158	Nguyễn Thị Hà	Nhi	HVN007738	4	31.25	0.5	31.92
159	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
160	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
161	Nguyễn Thủy	Tiên	HVN010607	3	31.25	0.5	31.92
162	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	3	31.25	0.5	31.92
163	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
164	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
165	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
166	Lương Việt	Trinh	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
167	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
168	Trần Thị Kim	Phượng	SPH013867	4	30.50	1.0	31.83
169	Phạm Hồng	Nhung	HVN007875	4	30.50	1.0	31.83
170	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
171	Bùi Thị Thanh	Phượng	BKA010330	3	30.50	1.0	31.83
172	Thái Thị	Hạnh	TDV008689	2	30.50	1.0	31.83
173	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	HVN009204	2	30.50	1.0	31.83
174	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
176	Nguyễn Trường	Nam	SPH011990	4	31.75		31.75
177	Bùi Quang	Hoàng	THV004971	4	29.75	1.5	31.75
178	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
179	Phạm Thu	Hương	THV006298	4	29.75	1.5	31.75
180	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
181	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
182	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	BKA004102	4	31.75		31.75
183	Phạm Phương	Anh	SPH001334	4	31.75		31.75
184	Cao Phương	Thảo	SPH015524	3	31.75		31.75
185	Đinh Ngọc	Huyền	TLA006232	3	31.75		31.75
186	Nguyễn Thúy	An	SPH000058	3	31.75		31.75
187	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
188	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
189	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
190	Chu Đức	Dũng	SPH003134	3	31.75		31.75
191	Hoàng Lệ	Quyên	SPH014338	3	31.75		31.75
192	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
193	Lưu Thảo	Dương	TLA002961	1	29.75	1.5	31.75
194	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
195	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
196	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67
197	Bùi ánh	Ngọc	DCN008016	4	31.00	0.5	31.67
198	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
199	Hoàng Hồng	Nga	TND017306	4	27.00	3.5	31.67
200	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67
201	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67
202	Sân Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
203	Nguyễn Thị Thu	Hà	HVN002733	4	30.25	1.0	31.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
205	Phan Như	Quỳnh	SPH014564	3	30.25	1.0	31.58
206	Trần Huệ	Trình	YTB023359	3	30.25	1.0	31.58
207	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
208	Hồ Thị	Hằng	TDV008975	4	29.50	1.5	31.50
209	Cao Thanh	Huyền	SPH007666	4	31.50		31.50
210	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
211	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
212	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
213	Ngô Minh	Quân	TLA011350	4	31.50		31.50
214	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
215	Đinh Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
216	Trần Văn	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
217	Nguyễn Thảo	Hiền	SPH005972	4	31.50		31.50
218	Hoàng	Lan	DCN005894	3	31.50		31.50
219	Nguyễn Xuân	Nguyên	NLS008224	3	29.50	1.5	31.50
220	Nguyễn Thanh	Nhàn	HDT018431	3	29.50	1.5	31.50
221	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
222	Trịnh Huyền	My	SPH011729	2	31.50		31.50
223	Phan Hồng	Ngọc	TLA010191	2	31.50		31.50
224	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
225	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
226	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
227	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
228	Tăng Văn	Hiền	KQH004702	2	30.75	0.5	31.42
229	Nguyễn Ngọc	Phượng	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
230	Phạm Thị Thùy	Linh	KHA005873	4	30.00	1.0	31.33
231	Nguyễn Phượng	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33
232	Đào Ngọc	Linh	BKA007367	4	31.25		31.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
234	Trịnh Thu	Phượng	HHA011291	4	31.25		31.25
235	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	TLA011607	4	31.25		31.25
236	Nguyễn Hải	Chi	TLA001879	4	31.25		31.25
237	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25
238	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
239	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
240	Hà Anh	Thư	BKA012862	3	31.25		31.25
241	Vũ Thị Trà	My	HHA009423	3	31.25		31.25
242	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
243	Nguyễn Thùy	Dung	TLA002502	3	31.25		31.25
244	Nguyễn Thị Ngọc	An	TLA000045	3	31.25		31.25
245	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
246	Hà Thị Nhật	Lệ	LNH005077	2	29.25	1.5	31.25
247	Ngô Trang	Linh	SPH009686	2	31.25		31.25
248	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17
249	Trần Hưng	Phúc	TDV023636	4	30.50	0.5	31.17
250	Trần Tiểu	Trâm	SPH017928	3	30.50	0.5	31.17
251	Mai Thị	Lệ	DHU010633	3	30.50	0.5	31.17
252	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
253	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17
254	Phạm Thúy	Hiền	HDT008614	3	30.50	0.5	31.17
255	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
256	Nguyễn Thị Hồng	Vân	THP016599	1	30.50	0.5	31.17
257	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
258	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
259	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
260	Đỗ Tiến	Diễn	SPH002923	3	29.75	1.0	31.08
261	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Vũ Thị Chi	Mai	HDT016187	4	29.00	1.5	31.00
263	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
264	Phạm Thị Linh	Phương	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
265	Phan Thị	Minh	HHA009267	4	31.00		31.00
266	Đỗ Huy	Khôi	SPH008831	4	31.00		31.00
267	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
268	Trần Ngọc	Mai	SPH011063	4	29.00	1.5	31.00
269	Nguyễn Thanh	Loan	SPH010336	4	31.00		31.00
270	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
271	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
272	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
273	Vũ Hải	Anh	SPH001634	3	31.00		31.00
274	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
275	Nguyễn Hải	Dung	SPH003037	2	31.00		31.00
276	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
277	Nguyễn Đỗ	Quyên	TLA011478	1	31.00		31.00
278	Phạm Mạnh	Hùng	TLA006606	1	31.00		31.00
279	Trần Thúy	Nga	HVN007250	4	30.25	0.5	30.92
280	Bùi Thị Quỳnh	Trâm	TDV033214	4	30.25	0.5	30.92
281	Vương Sỹ Thị	Giang	KQH003445	4	30.25	0.5	30.92
282	Nguyễn Thế	Huy	HHA006089	4	30.25	0.5	30.92
283	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
284	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
285	Đặng Thị	Lợi	TDV017873	4	30.25	0.5	30.92
286	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
287	Lương Thảo	My	KHA006729	2	30.25	0.5	30.92
288	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
289	Đào Thị	Hường	BKA006560	3	29.50	1.0	30.83
290	Ngô Phương Thanh	Thủy	THP014329	1	29.50	1.0	30.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
292	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
293	Trần Kim	Chi	SPH002440	4	30.75		30.75
294	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
295	Trần Thị	Tú	TTB007037	4	28.75	1.5	30.75
296	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
297	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
298	Phùng Linh	Trang	THV013973	4	28.75	1.5	30.75
299	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
300	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
301	Đỗ Thị Mai	Hoa	HDT009149	3	28.75	1.5	30.75
302	Trần Thạch	Thảo	SPH015832	3	30.75		30.75
303	Nguyễn Diệu	Anh	TND000596	3	28.75	1.5	30.75
304	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
305	Trần Minh	Hằng	SPH005734	3	30.75		30.75
306	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
307	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
308	Lê Nguyễn Khánh	Linh	SPH009595	2	30.75		30.75
309	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
310	Nguyễn Đào Phương	Linh	TLA007906	2	30.75		30.75
311	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
312	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
313	Đào Tuấn	Ngọc	YTB015606	4	30.00	0.5	30.67
314	Bùi Thị	Dung	HVN001590	4	30.00	0.5	30.67
315	Trần Minh	Diễm	BKA001980	4	30.00	0.5	30.67
316	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
317	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
318	Nguyễn Thị Thu	Đông	TND005377	3	30.00	0.5	30.67
319	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67
321	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
322	Nguyễn Văn	Hiếu	SPH006383	1	30.00	0.5	30.67
323	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
324	Trần Thị Yến	Nga	TDV020654	4	29.25	1.0	30.58
325	Bùi Thị Mai	Phượng	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
326	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
327	Trương Thị	Yến	BKA015347	4	29.25	1.0	30.58
328	Trần Thị	Thu	YTB020801	1	29.25	1.0	30.58
329	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
330	Phạm Thu	Thảo	THV012327	4	28.50	1.5	30.50
331	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50
332	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
333	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
334	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
335	Vũ Phượng	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
336	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
337	Trần Thị Liên	Hương	SPH008473	4	30.50		30.50
338	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
339	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
340	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
341	Nguyễn Việt	Bách	SPH001919	3	30.50		30.50
342	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
343	Đặng Thị Vân	Anh	THV000152	3	28.50	1.5	30.50
344	Nguyễn Thị Minh	Hương	TTB002990	3	28.50	1.5	30.50
345	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
346	Nguyễn Thu	Thảo	SPH015767	2	30.50		30.50
347	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
348	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	2	30.50		30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Trần Thanh	Thuỷ	TND024623	2	28.50	1.5	30.50
350	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
351	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
352	Nguyễn Bích	Ngọc	KHA007228	1	30.50		30.50
353	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
354	Phùng Thị Diễm	Hương	KHA004894	4	29.75	0.5	30.42
355	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42
356	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
357	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
358	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
359	Diêm Thị	ánh	TND001247	3	29.75	0.5	30.42
360	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
361	Nguyễn Thế	Phú	DCN008719	3	29.75	0.5	30.42
362	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
363	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	HHA012895	2	29.75	0.5	30.42
364	Nguyễn Đình Bình	Bắc	HVN000894	2	29.75	0.5	30.42
365	Vũ Thị Khánh	Linh	BKA007884	2	29.75	0.5	30.42
366	Trần Thu	Hiền	HVN003511	1	29.75	0.5	30.42
367	Bạch Thị Sao	Mai	KQH008697	1	25.75	3.5	30.42
368	Trần Thị Quỳnh	Lan	TLA007409	4	29.00	1.0	30.33
369	Phạm Thị Hoàng	Phương	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33
370	Lâm Thạch	Thảo	TLA012485	3	29.00	1.0	30.33
371	Phạm Thị	Hoa	YTB008292	3	29.00	1.0	30.33
372	Nguyễn Thị	Quỳnh	HHA011806	2	29.00	1.0	30.33
373	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
374	Đào Ngọc	Anh	SPH000261	4	30.25		30.25
375	Ngô Thị Thùy	Linh	HHA007982	4	30.25		30.25
376	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	4	30.25		30.25
377	Đinh Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Lê Thị Mỹ	Hà	TND006248	4	28.25	1.5	30.25
379	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	SPH012598	4	30.25		30.25
380	Cao Hà	Linh	TTN009637	4	28.25	1.5	30.25
381	Phượng Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
382	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
383	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
384	Trần Thị Ngọc	Hà	SPH005024	3	30.25		30.25
385	Đỗ Hà	Anh	SPH000203	3	30.25		30.25
386	Nguyễn Mai	Hương	SPH008315	3	30.25		30.25
387	Lại Thu	Thủy	TQU005459	3	28.25	1.5	30.25
388	Lê Võ Tuấn	Việt	SPH019395	3	30.25		30.25
389	Nguyễn Anh	Tú	SPH018353	3	30.25		30.25
390	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
391	Đình Hải	Long	SPH010370	2	30.25		30.25
392	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
393	Vũ Hoàng Diễm	My	SPH011737	2	30.25		30.25
394	Nguyễn Quang	Quyền	SPH014377	2	30.25		30.25
395	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
396	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
397	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
398	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
399	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
400	Lê Thị Thanh	Xuân	YTB025514	3	29.50	0.5	30.17
401	Bùi Thị Dương	Chà	THV001145	3	29.50	0.5	30.17
402	Vũ Thị	Nga	THP010061	3	29.50	0.5	30.17
403	Vũ Văn	Vương	TDV036510	3	29.50	0.5	30.17
404	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	YTB012401	2	29.50	0.5	30.17
405	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
406	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
408	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
409	Khổng Thu	Trang	YTB022610	1	29.50	0.5	30.17
410	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
411	Phạm Thị Hải	Yến	TDV037071	1	29.50	0.5	30.17
412	Đặng Thị	Nhận	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
413	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
414	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08
415	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
416	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
417	Phạm Thị Thúy	Ngân	HDT017684	4	28.75	1.0	30.08
418	Vương Thị	Loan	THP008731	3	28.75	1.0	30.08
419	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
420	Nguyễn Thu	Trang	THP015289	3	28.75	1.0	30.08
421	Phạm Thị Thảo	Ngọc	KHA007304	3	28.75	1.0	30.08
422	Ngô Thanh	Thủy	THV013036	3	26.75	2.5	30.08
423	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
424	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
425	Trương Thị	Vi	TDV035985	1	28.75	1.0	30.08
426	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
427	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
428	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
429	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
430	Nguyễn Trà	My	TLA009455	4	30.00		30.00
431	Trịnh Khánh	Linh	THV007807	4	28.00	1.5	30.00
432	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00
433	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
434	Ngô Minh	Sơn	SPH014780	3	30.00		30.00
435	Lê Hồng	Anh	HDT000525	3	28.00	1.5	30.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Lê Thị Thùy	Dung	TDV004496	3	28.00	1.5	30.00
437	Đỗ Minh	Quang	SPH014001	3	30.00		30.00
438	Nguyễn ánh	Linh	TLA007881	3	30.00		30.00
439	Vũ Phương	Linh	TLA008359	2	30.00		30.00
440	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015697	2	30.00		30.00
441	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00
442	Phan Thị Ly	Na	TDV019838	2	28.00	1.5	30.00
443	Đoàn Ngọc	Yến	SPH019786	1	30.00		30.00
444	Thái Trà	My	HHA009413	1	30.00		30.00
445	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
446	Đặng Thu	Trang	KQH014403	4	29.25	0.5	29.92
447	Đoàn Thị Thu	Thảo	DHU021062	4	29.25	0.5	29.92
448	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
449	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
450	Lê Thị Thúy	Hằng	DCN003409	4	29.25	0.5	29.92
451	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
452	Ngô Huy Quang	Minh	DCN007382	3	29.25	0.5	29.92
453	Nguyễn Thị Thu	Thảo	TDV028319	3	29.25	0.5	29.92
454	Trần Phương	Anh	YTB001274	3	29.25	0.5	29.92
455	Văn Thị	Ngọc	KQH009999	3	29.25	0.5	29.92
456	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
457	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
458	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
459	Nguyễn Thị Huyền	Anh	TDV000924	2	29.25	0.5	29.92
460	Phan Thị Bích	Hạnh	TDV008655	1	29.25	0.5	29.92
461	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	4	28.50	1.0	29.83
462	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
463	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
464	Phan Thị Thu	Hoài	TDV011421	4	28.50	1.0	29.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Phạm Thị	Thương	HDT025575	4	28.50	1.0	29.83
466	Nguyễn Tuấn	Anh	HDT001273	4	28.50	1.0	29.83
467	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018327	3	28.50	1.0	29.83
468	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
469	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
470	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75
471	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
472	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
473	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
474	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
475	Ngô Thị Khánh	Quỳnh	TLA011601	4	29.75		29.75
476	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
477	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
478	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
479	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009994	3	29.75		29.75
480	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
481	Lê Thu	Thảo	HHA012862	2	29.75		29.75
482	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
483	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
484	Trần Thị Hải	Yến	KQH016653	4	29.00	0.5	29.67
485	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
486	Vũ Thị Ngọc	Mai	HHA008851	4	29.00	0.5	29.67
487	Trần Thị Hương	Thơm	THP014004	4	29.00	0.5	29.67
488	Dương Việt	Hà	TND006128	3	25.00	3.5	29.67
489	Bùi Thị Thùy	Anh	SPH000147	3	29.00	0.5	29.67
490	Đỗ Thị	Yến	THP017076	2	29.00	0.5	29.67
491	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
492	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
493	Nguyễn Mai	Loan	HVN006183	2	29.00	0.5	29.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
495	Bùi Hồng	Nhung	HDT018625	1	29.00	0.5	29.67
496	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
497	Đình Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
498	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
499	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
500	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50
501	Nguyễn Tường	Linh	TLA008145	4	29.50		29.50
502	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
503	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
504	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
505	Bùi Thị Phương	Linh	SPH009389	4	29.50		29.50
506	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
507	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
508	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
509	Hoàng Thu	Trang	SPH017391	3	29.50		29.50
510	Hà Thị Khánh	Linh	NLS006198	3	27.50	1.5	29.50
511	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
512	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
513	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
514	Nguyễn Phương	Thảo	HVN009598	3	29.50		29.50
515	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
516	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50
517	Nguyễn Cẩm	Tú	TLA014747	2	29.50		29.50
518	Phạm Quỳnh	Anh	TLA001101	2	29.50		29.50
519	Trần Tú	Mỹ	SPH011761	2	29.50		29.50
520	Đình Minh	Châu	TLA001770	1	29.50		29.50
521	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
522	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TND014514	1	27.50	1.5	29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
524	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
525	Chu Thị	Na	TQU003700	4	24.75	3.5	29.42
526	Nông Thị	Mai	TND016040	4	24.75	3.5	29.42
527	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
528	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
529	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
530	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
531	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
532	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
533	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
534	Nguyễn Thị Thùy	Linh	HHA008135	3	28.75	0.5	29.42
535	Cao Thị Thanh	Hà	DCN002797	3	28.75	0.5	29.42
536	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
537	Nguyễn Mai	Anh	BKA000505	1	28.75	0.5	29.42
538	Đào Thị Thanh	Tâm	HHA012238	1	28.75	0.5	29.42
539	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
540	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
541	Đào Thị Bích	Phương	YTB017178	4	28.00	1.0	29.33
542	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
543	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
544	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
545	Trần Văn	Chuẩn	KQH001497	3	28.00	1.0	29.33
546	Phạm Thị Huyền	Trang	TLA014225	3	28.00	1.0	29.33
547	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
548	Vũ Minh	Hường	DCN005552	2	28.00	1.0	29.33
549	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
550	Vũ Thị Hương	Giang	YTB005750	1	28.00	1.0	29.33
551	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	HHA004387	1	28.00	1.0	29.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Trần Minh	Khải	SPH008622	4	29.25		29.25
553	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
554	Nguyễn Hải	Nam	SPH011894	4	29.25		29.25
555	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
556	Trương ánh	Mai	TND016104	4	27.25	1.5	29.25
557	Nguyễn Thảo	Phương	THV010523	4	27.25	1.5	29.25
558	Phạm Thị Nam	Phương	HHA011250	4	29.25		29.25
559	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
560	Hoàng Phương	Giang	HHA003471	3	29.25		29.25
561	Hà Nhật	Thăng	TLA012742	3	29.25		29.25
562	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
563	Lê Thị Khánh	Huyền	TDV013437	2	27.25	1.5	29.25
564	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
565	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
566	Trần Ngọc	Hải	SPH005261	2	29.25		29.25
567	Phạm Thảo	Vân	BKA014858	2	29.25		29.25
568	Đinh Ngọc	Anh	THV000130	2	27.25	1.5	29.25
569	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
570	Đặng Thị	Nhung	HDT018683	1	27.25	1.5	29.25
571	Nguyễn Minh	Anh	YTB000678	4	28.50	0.5	29.17
572	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
573	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
574	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
575	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
576	Hứa Thị Thảo	Ly	TND015641	4	24.50	3.5	29.17
577	Tô Thị Thanh	Thảo	TND023321	3	24.50	3.5	29.17
578	Lê Thùy	Dương	HHA002652	3	28.50	0.5	29.17
579	Đặng Minh	Khôi	LNH004827	3	28.50	0.5	29.17
580	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
582	Đặng Bích	Phương	THP011504	3	28.50	0.5	29.17
583	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011102	3	28.50	0.5	29.17
584	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
585	Nguyễn Thị Tú	Anh	DND000486	2	28.50	0.5	29.17
586	Sái Hoàng Thái	Hà	KQH003683	1	28.50	0.5	29.17
587	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
588	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
589	Nguyễn Thị	Mai	YTB014017	4	27.75	1.0	29.08
590	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
591	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
592	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
593	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
594	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
595	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
596	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	THV010938	4	27.00	1.5	29.00
597	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
598	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
599	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
600	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
601	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
602	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
603	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
604	Nguyễn Trần Phương	Thảo	DND021896	3	29.00		29.00
605	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn	SPH012748	3	29.00		29.00
606	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
607	Nguyễn ánh	Quyên	SPH014342	3	29.00		29.00
608	Nguyễn Trung	Dũng	TND004004	3	27.00	1.5	29.00
609	Lê Hương	Quỳnh	THV011076	3	27.00	1.5	29.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Bùi Thu	Thủy	THV012997	3	27.00	1.5	29.00
611	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
612	Nguyễn Thị Hằng	Nga	BKA009159	2	29.00		29.00
613	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
614	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TLA012577	2	29.00		29.00
615	Đặng Thị	Dung	DCN001685	2	27.00	1.5	29.00
616	Nguyễn Hồng	Tâm	BKA011490	2	29.00		29.00
617	Lê Việt Hồng	Ngọc	SPH012533	2	29.00		29.00
618	Nguyễn Phương	Huyền	BKA006004	2	29.00		29.00
619	Nguyễn Bảo	Linh	KHA005504	2	29.00		29.00
620	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
621	Nguyễn Tuấn	Trung	SPH018149	1	29.00		29.00
622	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
623	Nguyễn Minh	Hằng	SPH005602	1	29.00		29.00
624	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
625	Vũ Thị Thanh	Xuân	SPH019729	4	28.25	0.5	28.92
626	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
627	Nguyễn Minh	Khanh	BKA006686	3	28.25	0.5	28.92
628	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	HDT027320	3	28.25	0.5	28.92
629	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
630	Dương Minh	Trang	YTB022458	3	28.25	0.5	28.92
631	Pờ Minh	Chuyên	THV001550	2	24.25	3.5	28.92
632	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
633	Dương Khánh	Linh	YTB012392	2	28.25	0.5	28.92
634	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
635	Nguyễn Minh	Đức	SPH004315	4	27.50	1.0	28.83
636	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
637	Nguyễn Thị Minh	Tú	HVN011581	4	27.50	1.0	28.83
638	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
640	Nguyễn Thành	Minh	TND016594	2	27.50	1.0	28.83
641	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
642	Đỗ Thị	Hoa	HVN003782	1	27.50	1.0	28.83
643	Nguyễn	Phan	SPH013335	4	28.75		28.75
644	Nguyễn Mạnh Hải	Anh	SPH000843	4	28.75		28.75
645	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
646	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
647	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
648	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
649	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
650	Phạm Mỹ	Linh	TLA008183	2	28.75		28.75
651	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
652	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
653	Nguyễn Quang	Anh	SPH000933	1	28.75		28.75
654	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
655	Đỗ Tùng	Sơn	BKA011241	4	28.00	0.5	28.67
656	Tống Thị Hương	Giang	TND006011	4	28.00	0.5	28.67
657	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
658	Lê Thị Hương	Trang	SPH017430	3	28.00	0.5	28.67
659	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
660	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
661	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
662	Đỗ Thị Phương	Thảo	THV012106	2	28.00	0.5	28.67
663	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
664	Hà Nguyên	Hạnh	TND006891	1	28.00	0.5	28.67
665	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
666	Nguyễn Phúc	Nam	SPH011943	4	27.25	1.0	28.58
667	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58
669	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
670	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
671	Vũ Quỳnh	Mai	TLA008989	3	28.50		28.50
672	Nguyễn Linh	Chi	BKA001527	3	28.50		28.50
673	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
674	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	3	26.50	1.5	28.50
675	Trịnh Hải	Anh	TLA001291	2	28.50		28.50
676	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
677	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
678	Bùi Thị Hải	Phương	HHA011016	1	28.50		28.50
679	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
680	Nguyễn Anh	Minh	SPH011364	1	28.50		28.50
681	Ông Thị Diệu	Anh	KHA000570	4	25.75	2.0	28.42
682	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
683	Hoàng Thị Thúy	Vi	TQU006450	4	23.75	3.5	28.42
684	Bùi Thị Hà	Trang	HHA014388	4	27.75	0.5	28.42
685	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
686	Đinh Thị	Hải	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
687	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	KHA004575	3	27.75	0.5	28.42
688	Trần Đức	Hạnh	BKA004127	3	27.75	0.5	28.42
689	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
690	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42
691	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
692	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
693	Nguyễn Xuân	Quỳnh	KHA008478	2	27.75	0.5	28.42
694	Doãn Thùy	Dương	YTB004258	1	27.75	0.5	28.42
695	Nguyễn Thị	Lương	LNH005775	1	23.75	3.5	28.42
696	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
698	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
699	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
700	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
701	Hoàng Thị	Hiền	SPH005879	2	27.00	1.0	28.33
702	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
703	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
704	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
705	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
706	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
707	Nguyễn Phương	Trinh	SPH017987	3	28.25		28.25
708	Trần Hoài	An	SPH000082	3	28.25		28.25
709	Nguyễn Đức	Tiến	SPH017008	3	28.25		28.25
710	Phùng Thị Ngọc	Trinh	SPH018000	3	28.25		28.25
711	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
712	Phạm Thị Mai	Hiền	TDV010057	3	26.25	1.5	28.25
713	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	HHA016581	2	28.25		28.25
714	Lê Mỹ	Linh	SPH009589	2	28.25		28.25
715	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
716	Nguyễn Mỹ	Hạnh	TND006976	2	26.25	1.5	28.25
717	Lê Linh	Chi	TLA001859	2	28.25		28.25
718	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
719	Phạm Mỹ	Linh	SPH010070	1	28.25		28.25
720	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
721	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
722	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
723	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
724	Nguyễn Phương	Linh	TDV016713	3	27.50	0.5	28.17
725	Phan Thùy	Nhung	KQH010367	3	27.50	0.5	28.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
727	Nguyễn Kim	Hoa	THV004744	2	27.50	0.5	28.17
728	Chu Thị Phương	Thùy	TDV030214	2	27.50	0.5	28.17
729	Đào Mai	Hương	HHA006723	2	27.50	0.5	28.17
730	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
731	Tạ Thị Minh	Huế	THV005281	1	27.50	0.5	28.17
732	Phùng Mạnh	Tài	KQH012067	3	26.75	1.0	28.08
733	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
734	Phạm Thị Lan	Hương	BKA006480	2	26.75	1.0	28.08
735	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
736	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
737	Trịnh Thị	Tuyến	BKA014634	2	26.75	1.0	28.08
738	Đào Thị Lan	Anh	YTB000304	2	26.75	1.0	28.08
739	Nguyễn Hải	Đặng	TLA003394	4	28.00		28.00
740	Dương Thị	Giang	TLA003791	4	28.00		28.00
741	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
742	Đào Tuấn	Hiệp	TLA004950	4	28.00		28.00
743	Nguyễn Trần Phương	Trang	SPH017720	3	28.00		28.00
744	Bùi Phương	Thảo	HHA012716	3	28.00		28.00
745	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
746	Vũ Thị Yến	Nhi	SPH013002	3	28.00		28.00
747	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	2	28.00		28.00
748	Hoàng Hưng	Thịnh	BKA012340	2	28.00		28.00
749	Trần Thị Hà	Phương	THP011725	2	28.00		28.00
750	Nguyễn Viết	Lãm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
751	Nguyễn Thúy	Hường	SPH008569	1	28.00		28.00
752	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
753	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
754	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Phạm Thị Ngọc	Diệp	SPH002953	4	27.25	0.5	27.92
756	Nguyễn Phùng	Bách	HDT001948	3	27.25	0.5	27.92
757	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
758	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
759	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
760	Trần Hoàng	ánh	BKA001171	2	27.25	0.5	27.92
761	Đỗ Thị Minh	Thu	HHA013514	2	27.25	0.5	27.92
762	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
763	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
764	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
765	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
766	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
767	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
768	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
769	Phạm Khắc	Diệp	YTB005000	3	26.50	1.0	27.83
770	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
771	Nguyễn Thị Nhật	Linh	HDT014571	1	26.50	1.0	27.83
772	Phạm Thị Mỹ	Linh	YTB013003	1	26.50	1.0	27.83
773	Nguyễn Thị	Lan	BKA007032	1	26.50	1.0	27.83
774	Trần Thị Lệ	Quyên	NLS010028	4	25.75	1.5	27.75
775	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
776	Nguyễn Thùy	Giang	TQU001333	3	25.75	1.5	27.75
777	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
778	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
779	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
780	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
781	Trần Hà	Phương	HHA011266	2	27.75		27.75
782	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
783	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	1	27.75		27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
785	Nguyễn Linh	Chi	TLA001899	1	27.75		27.75
786	Hoàng Bảo	Trâm	SPH017904	1	27.75		27.75
787	Vũ Hoàng	Yến	BKA015351	1	27.75		27.75
788	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
789	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
790	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
791	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	2	27.00	0.5	27.67
792	Phan Thanh	Hằng	DHU005966	2	27.00	0.5	27.67
793	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
794	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
795	Trần Thị Mỹ	Linh	DCN006606	2	26.25	1.0	27.58
796	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
797	Nguyễn Văn	Hậu	HVN003327	2	26.25	1.0	27.58
798	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
799	Nguyễn Ngọc Tố	Anh	THP000474	1	26.25	1.0	27.58
800	Phan Thu	Huyền	TND011325	4	25.50	1.5	27.50
801	Tống Văn	Tài	HDT022074	4	25.50	1.5	27.50
802	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
803	Mai Quỳnh	Trang	SPH017474	3	27.50		27.50
804	Bùi Lan	Phương	KHA007884	3	27.50		27.50
805	Nguyễn Phương	Linh	TLA008004	2	27.50		27.50
806	Phạm Ngọc	Anh	HHA000783	2	27.50		27.50
807	Lê Thùy	Linh	TLA007835	2	27.50		27.50
808	Dương Ngọc	Hà	TND006112	2	25.50	1.5	27.50
809	Bùi Linh	Chi	SPH002331	2	27.50		27.50
810	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
811	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
812	Dương Trâm	Anh	SPH000192	2	27.50		27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Trần Thị Diệu	Linh	HHA008324	2	27.50		27.50
814	Đổng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
815	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
816	Nguyễn Thùy	Linh	SPH010003	1	27.50		27.50
817	Lê Thị	Trang	TTB006751	1	25.50	1.5	27.50
818	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	1	27.50		27.50
819	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
820	Lê Ngọc	Nhung	HVN007791	4	26.75	0.5	27.42
821	Lý Thị Ngọc	Trâm	TND026831	4	22.75	3.5	27.42
822	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
823	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
824	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	HHA012892	3	26.75	0.5	27.42
825	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
826	Dương Mạnh	Cường	THV001736	1	22.75	3.5	27.42
827	Phạm Thị Thương	Thương	TTB006514	1	22.75	3.5	27.42
828	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
829	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
830	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
831	Lê Thị	Hoan	TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
832	Nguyễn Thị	Bích	HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
833	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
834	Phạm Thị	Hường	YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
835	Cao Phương	Linh	YTB012382	2	26.00	1.0	27.33
836	Bùi Đức	Thắng	BKA012109	2	26.00	1.0	27.33
837	Lê Mạnh	Đạt	THP002981	1	26.00	1.0	27.33
838	Thịnh Thái	Thảo	SPH015812	4	27.25		27.25
839	Nguyễn Thị Minh	Huyền	SPH007875	3	27.25		27.25
840	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
841	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Lương Mỹ	Linh	SPH009648	2	27.25		27.25
843	Nguyễn Thu	Trang	SPH017686	2	27.25		27.25
844	Đặng Trần Thu	Huyền	HHA006257	2	27.25		27.25
845	Nguyễn Thu	Huyền	HHA006421	2	27.25		27.25
846	Phạm Thị Linh	Trang	KHA010510	4	26.50	0.5	27.17
847	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
848	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
849	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
850	Hoàng Ngọc	Chi	TND002224	4	22.50	3.5	27.17
851	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
852	Nguyễn Thị Minh	Nhật	TND018640	4	26.50	0.5	27.17
853	Phạm Thị Thanh	Nguyệt	SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
854	Đặng Thị Thúy	Hạnh	TDV008490	3	26.50	0.5	27.17
855	Hà Thị Minh	Phương	YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
856	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
857	Nông Hoàng	Như	TND019104	2	22.50	3.5	27.17
858	Nguyễn Thị Thanh	Hà	BKA003702	2	26.50	0.5	27.17
859	Diệp Thị	Liên	SPH009296	1	22.50	3.5	27.17
860	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
861	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
862	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
863	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
864	Nguyễn Quang	Hưng	HHA006620	3	27.00		27.00
865	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
866	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
867	Đào Phương	Thảo	THV012113	2	25.00	1.5	27.00
868	Nguyễn Thúy	Quỳnh	KHA008475	2	27.00		27.00
869	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009933	1	27.00		27.00
870	Nguyễn Anh	Dũng	HVN001722	1	27.00		27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Phan Thị Hà	Anh	SPH001274	1	27.00		27.00
872	Trần Hương	Giang	DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
873	Phùng Thị Cẩm	Nhung	DCN008485	3	26.25	0.5	26.92
874	Giáp Thị Hồng	Thanh	TND022416	3	26.25	0.5	26.92
875	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
876	Nguyễn Minh	Diễm	HVN001527	3	26.25	0.5	26.92
877	Hà Thị	Hạnh	TND006892	2	22.25	3.5	26.92
878	Nguyễn Thị Lan	Phương	TLA011020	1	26.25	0.5	26.92
879	Vũ Đình	Hưng	THP006891	4	25.50	1.0	26.83
880	Trịnh Thị Tuyết	Mai	HDT016182	3	25.50	1.0	26.83
881	Đinh Tú	Anh	HDT000333	2	25.50	1.0	26.83
882	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
883	Vũ Hoàng	Long	THP008850	1	25.50	1.0	26.83
884	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
885	Lê Thảo	Nhi	HHA010455	4	24.75	1.5	26.75
886	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
887	Đào Mai	Hương	BKA006352	3	24.75	1.5	26.75
888	Phạm Minh	Hạnh	TLA004459	2	26.75		26.75
889	Đỗ Doãn Ngọc	Ly	SPH010760	1	26.75		26.75
890	Chu Hà	Phương	SPH013569	1	26.75		26.75
891	Nguyễn Thị	Bộ	TLA001717	1	26.75		26.75
892	Đậu Thảo	Nhung	SPH013046	1	26.75		26.75
893	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
894	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
895	Bạch Ngọc	Anh	LNH000045	2	26.00	0.5	26.67
896	Đỗ Mai	Phương	KQH010803	2	26.00	0.5	26.67
897	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
898	Tạ Dương Thanh	Hương	HVN005082	1	24.00	2.0	26.67
899	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	HVN004719	4	25.25	1.0	26.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
901	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
902	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
903	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
904	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
905	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
906	Trần Đăng	Huỳnh	KQH006425	2	25.25	1.0	26.58
907	Nguyễn Thị Diệu	Quý	HDT020742	2	25.25	1.0	26.58
908	Vũ Thị	Hằng	THP004625	1	25.25	1.0	26.58
909	Vũ Thị	Lương	KQH008550	1	25.25	1.0	26.58
910	Lê Hồng	An	SPH000024	4	26.50		26.50
911	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
912	Phạm Hồng	Ngọc	THV009558	2	24.50	1.5	26.50
913	Trần Văn	Linh	TLA008316	2	26.50		26.50
914	Trần Thanh	Hương	SPH008482	2	26.50		26.50
915	Vũ Kim	Trang	SPH017866	2	26.50		26.50
916	Lê Đức	Thịnh	SPH016151	2	26.50		26.50
917	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50
918	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
919	Nguyễn Thị Bích	Phương	SPH013729	1	26.50		26.50
920	Nguyễn Minh	Quang	LNH007511	1	24.50	1.5	26.50
921	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	1	26.50		26.50
922	Lưu Thị Hồng	Lương	BKA008243	3	25.75	0.5	26.42
923	Nguyễn Thu	Hiền	HHA004642	3	25.75	0.5	26.42
924	Phan Thị	Thu	HDT024490	3	25.75	0.5	26.42
925	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
926	Nguyễn Minh	Vương	TLA015752	2	25.75	0.5	26.42
927	Bùi Thị ánh	Ngọc	YTB015566	2	25.75	0.5	26.42
928	Lã Minh	Thúy	HHA013869	2	25.75	0.5	26.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	SPH007870	1	25.75	0.5	26.42
930	Dương Kiều	Trang	THV013637	1	25.75	0.5	26.42
931	Hà Huy	Quyên	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
932	Lê Thị Thu	Hằng	HHA004348	4	25.00	1.0	26.33
933	Trần Thị Thùy	Trang	YTB023124	3	25.00	1.0	26.33
934	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
935	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
936	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	3	24.25	1.5	26.25
937	Nguyễn Thị	Trà	SPH017235	2	26.25		26.25
938	Lê Thái	Anh	YTB000097	2	24.25	1.5	26.25
939	Vũ Thủy	Tiên	TND025502	1	24.25	1.5	26.25
940	Phạm Thị Mỹ	Linh	SPH010089	1	26.25		26.25
941	Đỗ Hà Minh	Châu	TLA001767	1	26.25		26.25
942	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
943	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
944	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
945	Hà Minh	Hòa	TND008933	4	25.50	0.5	26.17
946	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
947	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
948	Nguyễn Việt	Hưng	TLA006602	4	24.75	1.0	26.08
949	Mai Ngọc	Anh	KHA000276	1	24.75	1.0	26.08
950	Trần Ngọc	Anh	SPH001510	2	26.00		26.00
951	Nguyễn Phương	Thảo	TTB005825	1	24.00	1.5	26.00
952	Phùng Mạnh	Cường	KHA001490	4	25.25	0.5	25.92
953	Đỗ Minh	Tâm	BKA011471	3	25.25	0.5	25.92
954	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	2	25.25	0.5	25.92
955	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
956	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	1	21.25	3.5	25.92
957	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Mai Thị	Loan	DCN006685	3	24.50	1.0	25.83
959	Thiếu Quang	Minh	TLA009310	4	25.75		25.75
960	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
961	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
962	Vũ Hải	Linh	SPH010236	2	25.75		25.75
963	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	2	23.75	1.5	25.75
964	Nguyễn Tường	Vi	SPH019349	1	25.75		25.75
965	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
966	Lương Thị Phương	Thảo	DCN010230	4	25.00	0.5	25.67
967	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	4	21.00	3.5	25.67
968	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
969	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
970	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
971	Nguyễn Thị Thu	Trang	HDT026811	3	25.00	0.5	25.67
972	Nguyễn Thị Mai	Phượng	YTB017594	2	24.25	1.0	25.58
973	Lê Thị Hương	Giang	KHA002621	3	25.50		25.50
974	Hoàng Thị Thùy	Vân	HHA016059	3	25.50		25.50
975	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50
976	Phạm Phương	Thảo	TQU005125	2	23.50	1.5	25.50
977	Nguyễn Châm	Anh	SPH000679	1	23.50	1.5	25.50
978	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
979	Nguyễn Hoàng	Linh	SPH009749	1	25.50		25.50
980	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
981	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
982	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
983	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
984	Vũ Thanh	Hương	HVN005102	1	24.75	0.5	25.42
985	Bùi Thu	Thủy	YTB021109	2	24.00	1.0	25.33
986	Nguyễn Thu	Trang	HDT026990	2	24.00	1.0	25.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
988	Nguyễn Gia	Bảo	LNH000731	1	23.25	1.5	25.25
989	Vũ Thu	Thủy	TLA013418	1	25.25		25.25
990	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018908	4	20.50	3.5	25.17
991	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
992	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
993	Nguyễn Thế	Tuấn	HVN011737	3	24.50	0.5	25.17
994	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
995	Lê Kim	Yến	HDT030347	3	23.75	1.0	25.08
996	Phí Việt	Phương	YTB017400	3	23.00	1.5	25.00
997	Lê Tuấn	Long	TLA008467	1	25.00		25.00
998	Lê Thị Linh	Chi	TLA001867	1	25.00		25.00
999	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
1000	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92
1001	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	4	24.25	0.5	24.92
1002	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	HDT026824	4	24.25	0.5	24.92
1003	Trần Thu	Uyên	THV015044	3	20.25	3.5	24.92
1004	Nguyễn Thị	Thành	LNH008353	1	24.25	0.5	24.92
1005	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
1006	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
1007	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
1008	Lê Hồng	Tuấn	HDT028221	4	24.00	0.5	24.67
1009	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	3	24.00	0.5	24.67
1010	Nguyễn Thị Thanh	Hương	DCN005376	2	24.00	0.5	24.67
1011	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
1012	Lê Thị Phương	Anh	HDT000692	1	23.25	1.0	24.58
1013	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
1014	Bùi Thị Hồng	Ngọc	TDV021018	4	22.50	1.5	24.50
1015	Nguyễn Việt	Đức	HHA003330	4	24.50		24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
1017	Võ Thùy	Linh	KHA005949	2	24.50		24.50
1018	Bùi Hoàng	Tiến	TLA013624	1	24.50		24.50
1019	Lâm Ngọc	ánh	THP001040	3	23.75	0.5	24.42
1020	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
1021	Chu Tú	Anh	TND000127	1	19.75	3.5	24.42
1022	Nguyễn Thị	Mai	HVN006605	4	23.00	1.0	24.33
1023	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	3	23.00	1.0	24.33
1024	Nguyễn Thị	Hợi	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
1025	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
1026	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
1027	Bùi Thị	Vi	TLA015522	2	23.50	0.5	24.17
1028	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
1029	Lê Thị Ngọc	Hân	SPH005776	1	22.75	1.0	24.08
1030	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	4	22.00	1.5	24.00
1031	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
1032	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
1033	Nguyễn Thị Nga	Loan	HDT015136	3	23.25	0.5	23.92
1034	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
1035	Đậu Thị Quỳnh	Chi	TDV002882	1	23.25	0.5	23.92
1036	Nguyễn Thị	Phương	TDV023994	3	22.50	1.0	23.83
1037	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	TDV009240	3	22.50	1.0	23.83
1038	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
1039	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
1040	Trịnh Thị Ngọc	Thúy	TND025079	1	21.75	1.5	23.75
1041	Vũ Tiến	Hưng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
1042	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	21.75	1.5	23.75
1043	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
1044	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
1046	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
1047	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
1048	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
1049	Nguyễn Thị	Thắm	KQH012834	1	22.00	1.0	23.33
1050	Hoàng Lâm	Phượng	TQU004307	4	21.25	1.5	23.25
1051	Nguyễn Phương	Thảo	TND023093	3	21.25	1.5	23.25
1052	Lê Thị Hải	Yến	TDV036913	3	21.75	1.0	23.08
1053	Đỗ Huyền	Trang	YTB022470	2	21.75	1.0	23.08
1054	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
1055	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
1056	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
1057	Nguyễn Lan	Anh	TLA000649	1	23.00		23.00
1058	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	4	18.25	3.5	22.92
1059	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
1060	Nguyễn Thị Diệu	Linh	LNH005354	3	22.25	0.5	22.92
1061	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
1062	Dương Linh	Chi	THV001245	2	22.25	0.5	22.92
1063	Trần Thị Ngọc	Anh	BKA000925	2	22.25	0.5	22.92
1064	Nguyễn Mạnh	Tuyên	YTB024442	2	22.25	0.5	22.92
1065	Cao Đức	Anh	HDT000173	1	22.25	0.5	22.92
1066	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
1067	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
1068	Trương Thuỳ	Linh	TND014842	2	20.75	1.5	22.75
1069	Vương Cao	Minh	SPH011585	1	22.75		22.75
1070	Cháng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
1071	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	TND008803	4	22.00	0.5	22.67
1072	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
1073	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
1075	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
1076	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
1077	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
1078	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33
1079	Nguyễn Thị	Nhài	YTB016075	4	21.00	1.0	22.33
1080	Nguyễn Thị	Nga	SPH012172	2	21.00	1.0	22.33
1081	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
1082	Bàn Kiều Phương	Chinh	HDT002702	1	17.50	3.5	22.17
1083	Đào Thị	Duyên	TDV005229	2	20.75	1.0	22.08
1084	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
1085	Đỗ Thị Kiều	Anh	TLA000218	1	22.00		22.00
1086	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
1087	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
1088	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
1089	Nguyễn Thị Phương	An	HVN000021	3	20.50	1.0	21.83
1090	Trần Thanh	Loan	SPH010277	3	19.75	1.5	21.75
1091	Nguyễn Thị Minh	Trang	TND026457	2	19.75	1.5	21.75
1092	Nguyễn Thị Thu	Hằng	TLA004629	1	21.75		21.75
1093	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
1094	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
1095	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
1096	Quách Thị Phương	Thảo	HHA013063	1	19.75	1.0	21.08
1097	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	4	19.00	1.5	21.00
1098	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	3	20.25	0.5	20.92
1099	Nguyễn Thị Mai	Phượng	THP011594	4	18.75	1.5	20.75
1100	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
1101	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
1102	Đậu Thị	Thúy	KQH013758	2	19.25	1.0	20.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 39

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
1104	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	19.00	1.0	20.33
1105	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
1106	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
1107	Nguyễn Thị	Hạnh	KQH004003	2	18.75	1.0	20.08
1108	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
1109	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
1110	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
1111	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
1112	Thào A	Tăng	TTB005526	4	13.75	3.5	18.42
1113	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
1114	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
1115	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	1	16.25	1.0	17.58
1116	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU